

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 34CCD6 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 1230172002-801 - C h c k t c u H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3471010005	34CCD6	Lê Minh	An	01/04/1992				10.0	9.0	8.0	9.0	2.7	9.5	6.7	9.4	
2	3471010019	34CCD4	L u Minh	B o	20/09/1992				9.0	7.0	9.0	8.3	2.5	6.5	4.6	7.0	
3	3571010690	35CCĐ2	Nguy n Kh ấ nh	Bình	08/12/1993				8.0	7.0	6.0	7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
4	3571011275	35CCĐ6	Nguy n Th ấ nh	Công	06/11/1993				4.0	5.0	7.0	5.3	1.6	7.5	5.3	6.9	
5	3471010048	34CCD3	Bùi Xuân	C ng	02/12/1992				6.0	6.0	10.0	7.3	2.2	6.5	4.6	6.8	
6	3471010032	34CCD7	Phan V ấ nh	Chánh	07/03/1992				9.0	8.0	9.0	8.7	2.6	8.3	5.8	8.4	
7	3471010068	34CCD3	Nguy n V ấ nh	Duy	16/08/1992				8.0	5.0	7.0	6.7	2.0	4.5	3.2	5.2	
8	3571010654	35CCĐ1	L ấ Vĩ t	Đ ấ g	17/07/1992				8.0	7.0	10.0	8.3	2.5	7.5	5.3	7.7	
9	3471010076	34CCD7	Nguy n V ấ nh	ấ a	06/11/1992				5.0	7.0	8.0	6.7	2.0	5.0	3.5	5.5	
10	3571011174	35CCĐ1	VH ấ c	ấ o	19/06/1993				8.0	7.0	6.0	7.0	2.1	9.0	6.3	8.4	
11	3471010087	34CCD1	D ng T	ấ i m	24/02/1991							0.0	0.0	0	0.0		
12	3471010099	34CCD4	Lý Hoài	ấ c	15/04/1992				9.0	7.0	9.0	8.3	2.5	7.8	5.5	8.0	
13	3471010110	34CCD5	Ho ấ ng V ấ nh	H i	02/10/1992				10.0	8.0	9.0	9.0	2.7	9.5	6.7	9.4	
14	3551010048	35CLC1-CĐ	Nguy n C ấ ng	H u	18/10/1993				3.0	4.0	5.0	4.0	1.2	7.5	5.3	6.5	
15	3571010172	35CLC1-CĐ	Nguy n ấ c	H u	05/10/1991				5.0	6.0	8.0	6.3	1.9	7.0	4.9	6.8	
16	3471010116	34CCD2	Lê Gia	Hi u	28/03/1992				10.0	9.0	10.0	9.7	2.9	9.0	6.3	9.2	
17	3471010124	34CCD3	Phan Minh	Ho t	04/03/1992				2.0	4.0	5.0	3.7	1.1	2.3	1.6	2.7	
18	3471010136	34CCD5	D ng Ng c	Hòa	30/01/1992							0.0	0.0	0	0.0		
19	3471010133	34CCD2	Ho ấ ng V ấ nh	H ng	10/01/1991				7.0	6.0	9.0	7.3	2.2	4.8	3.4	5.6	

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 34CCD6 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 1230172002-801 - C h c k t c u H c km : HK03

STT	M í S	L P SV	H V ị T c N		NGÀY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3471010134	34CCD7	Lê Xuân	H ng	12/10/1992				7.0	6.0	8.0	7.0	2.1	9.0	6.3	8.4	
21	3471010148	34CCD7	Nguy n B ầ	Huy	28/02/1990				1.0	7.0	8.0	5.3	1.6	6.5	4.6	6.2	
22	3471010149	34CCD7	Nguy n Qu c	Huy	01/08/1992				6.0	9.0	10.0	8.3	2.5	10.0	7.0	9.5	
23	3471010144	34CCD6	Lê Huy	Hùng	04/04/1991				4.0	4.0	9.0	5.7	1.7	5.5	3.9	5.6	
24	3471010147	34CCD7	Tr n C ầ ng	Hùng	08/06/1992				7.0	7.0	6.0	6.7	2.0	4.5	3.2	5.2	
25	3571010651	35CCĐ1	Nguy n	H ng	25/05/1993				6.0	8.0	7.0	7.0	2.1	9.5	6.7	8.8	
26	3571011206	35CCĐ5	Tri u V ấ	H u	25/03/1992				4.0	4.0	4.0	4.0	1.2	6.5	4.6	5.8	
27	3471010159	34CCD6	Th ầ nh Ng c Quang	Jun	04/05/1992				8.0	9.0	7.0	8.0	2.4	9.0	6.3	8.7	
28	3571010656	35CCĐ1	Nguy n Ho ầ ng V ầ	Kha	31/08/1993				5.0	7.0	8.0	6.7	2.0	5.0	3.5	5.5	
29	3471010161	34CCD7	Nguy n Th ầ nh	Kh n	02/07/1991				8.0	9.0	10.0	9.0	2.7	6.5	4.6	7.3	
30	3571011785	35CCĐ4	Cao Minh	Lam	10/03/1992				8.0	6.0	9.0	7.7	2.3	6.0	4.2	6.5	
31	3471010178	34CCD7	Cao Thành	L p	06/11/1992				9.0	6.0	9.0	8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	
32	3471010197	34CCD5	Tr n ấ i	L c	17/05/1992				6.0	8.0	7.0	7.0	2.1	6.8	4.8	6.9	
33	3471010202	34CCD7	H ầ Th	L c	28/12/1992				4.0	4.0	6.0	4.7	1.4	2.5	1.8	3.2	
34	3471010205	34CCD7	Đi ầ m V ấ	M nh	05/05/1991				8.0	7.0	9.0	8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
35	3471010207	34CLC-CD	Tr nh ấ c	M nh	22/09/1991				9.0	9.0	10.0	9.3	2.8	10.0	7.0	9.8	
36	3471010216	34CCD6	ấ ng Ho ầ	Nam	18/09/1992				9.0	9.0	9.0	9.0	2.7	10.0	7.0	9.7	
37	3571011613	35CCĐ5	L u Thanh	Phong	01/01/1993				5.0	5.0	9.0	6.3	1.9	6.0	4.2	6.1	
38	3571011409	35CCĐ6	Ph m V ấ	Phong	08/04/1991				2.0	3.0	5.0	3.3	1.0	5.0	3.5	4.5	

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 34CCD6 N h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 1230172002-801 - C h c k t c u H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3471010255	34CCD6	Tô Thành	Ph ng	21/07/1992				10.0	10.0	9.0	9.7	2.9	10.0	7.0	9.9	
40	3471010256	34CCD6	V½VN	Ph c	10/03/1992				5.0	7.0	6.0	6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	
41	3471010260	34CCD5	Ph m VN	Quang	10/08/1991				2.0	0.0	0.0	0.7	0.2	0	0.0		
42	3571010639	35CCĐ4	Nguy n Danh	S n	01/10/1993				7.0	6.0	9.0	7.3	2.2	8.0	5.6	7.8	
43	3571010643	35CCĐ1	Nguy n H ng	S n	02/10/1993				5.0	6.0	10.0	7.0	2.1	10.0	7.0	9.1	
44	3551010060	35CCĐ6	Ph ½ng Kh c Anh	Tài	21/05/1993				5.0	5.0	9.0	6.3	1.9	7.0	4.9	6.8	
45	3571010664	35CLC1-CĐ	ñ ng Duy	Tâm	25/02/1993				9.0	8.0	8.0	8.3	2.5	7.5	5.3	7.7	
46	3471010338	34CCD3	Nguy n Minh	Ti n	09/02/1992				7.0	9.0	10.0	8.7	2.6	9.0	6.3	8.9	
47	3471010346	34CCD7	Tr n Tr ng	T	05/07/1991				4.0	5.0	7.0	5.3	1.6	8.0	5.6	7.2	
48	3571010316	35CCĐ4	Võ Minh	Tu n	14/07/1993				3.0	4.0	8.0	5.0	1.5	6.8	4.8	6.3	
49	3471010379	34CCD6	Kh ng Minh	Tùng	21/04/1992				8.0	7.0	7.0	7.3	2.2	10.0	7.0	9.2	
50	3471010384	34CCD7	Lê Kim Thành	Tú	22/02/1992				3.0	3.0	7.0	4.3	1.3	9.0	6.3	7.6	
51	3471010387	34CCD2	ñ VN	T ng	11/09/1992				7.0	8.0	9.0	8.0	2.4	8.5	6.0	8.4	
52	3471010302	34CCD6	Nguy n Quang	Thái	09/12/1992				3.0	6.0	6.0	5.0	1.5	8.5	6.0	7.5	
53	3471010291	34CCD5	Qu ½ch ã nh	Th ng	03/06/1992				3.0	8.0	6.0	5.7	1.7	9.5	6.7	8.4	
54	3471010320	34CCD3	Ph m VN	Thích	03/04/1992				3.0	6.0	5.0	4.7	1.4	9.0	6.3	7.7	
55	3571010212	35CCĐ2	Tr n C»ng	Thích	03/08/1993				7.0	8.0	10.0	8.3	2.5	10.0	7.0	9.5	
56	3571011233	35CCĐ6	Nguy n Qu c	Th nh	11/08/1993				5.0	4.0	7.0	5.3	1.6	2.0	1.4	3.0	
57	3471010314	34CCD7	L² VN	Thông	26/08/1991				6.0	6.0	9.0	7.0	2.1	9.5	6.7	8.8	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 34CCD6 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 1230172002-801 - C h c k t c u H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
58	3571011744	35CCĐ7	Lê Thanh Tri u	20/07/1993				9.0	10.0	10.0	9.7	2.9	9.0	6.3	9.2		
59	3471010394	34CCD6	Ho ầ Tr ng Vinh	16/08/1992				9.0	9.0	8.0	8.7	2.6	9.8	6.9	9.5		
60	3471010395	34CCD7	Nguy n An Vinh	21/11/1992				9.0	7.0	9.0	8.3	2.5	10.0	7.0	9.5		
61	3471010396	34CCD4	Nguy n Ch Vinh	25/10/1992				6.0	9.0	8.0	7.7	2.3	6.5	4.6	6.9		
62	3571010187	35CCĐ4	Nguy n V ầ	V ầ	24/11/1992				7.0	7.0	9.0	7.7	2.3	9.0	6.3	8.6	
63	3471010407	34CCD5	Tr n Thanh V ầ	V ầ	16/08/1990				8.0	9.0	10.0	9.0	2.7	10.0	7.0	9.7	

T ng s : 63 h c sinh sinh v ầ n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi ầ V ầ n B M ầ n

Gi ầ V Khoa